TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/DS-PT
Ngày: 12/6/2018.
V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Dũng.

Bà Hoàng Thị Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 30/2018/TLPT-HNGĐ ngày 01/02/2018 về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/HNGĐ-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2018/QĐ-PT ngày 29/03/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1980.

Trú tại: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

HKTT: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Tạm trú tại: Xóm 2, khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1960.

Trú tại: Tổ 4, khu B, phường V, thành phố B (có mặt).

2. Anh Dương Văn G, sinh năm 1973.

Trú tại: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

3. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh do ông Đào Quang K - Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ K - Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Địa chỉ: Số 217, đường N, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Anh Dương Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là anh Dương Văn Q trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 2002, đến ngày 22/4/2015 anh và chị H đã ly hôn nhưng về quan hệ tài sản chưa giải quyết. Đến cuối năm 2015 anh và chị H không tự thỏa thuận được về tài sản nên anh đề nghị Tòa án chia tài sản chung hợp nhất của anh và chị H là ngôi nhà 2 tầng tổng diện tích là 160m^2 tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 50 ở khu 5 N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, anh đề nghị được sở hữu nhà và trả cho chị H bằng tiền theo định giá tài sản, ngoài ra anh đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đồng ý chia đất cho chị H với lý do thửa đất là của bố mẹ anh cho anh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Anh đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 212514 ngày 29/6/2015 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp cho ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 50, diện tích là 281m^2 tại khu 5 N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh với lý do việc sát nhập tài sản riêng của anh Q vào năm 2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B chỉ căn cứ vào đơn đề nghị đề ngày 20/9 không rõ năm, đã làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Q, chị H cùng đứng tên là chưa phù hợp với Luật đất đai năm 2003. Theo quy định của Luật đất đai thì bất động sản khi chuyển dịch cho cá nhân hoặc tổ chức thì phải thông qua các hình thức chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho thì mới có giá trị pháp lý, phải được công chứng hoặc chứng thực của Cơ quan có thẩm quyền.

Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Q năm 2002, đến 4/2015 Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn và con chung, còn tài sản chung chưa giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 2007 bố mẹ anh Q là ông Dương Văn T và bà Viêm Thị P đã chia đất ở của gia đình cho các con, chồng chị là anh Q được chia 359m^2 đất và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Văn Q tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 8, địa chỉ khu 5 N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Do vợ chồng chị có nhu cầu làm nhà trên thửa đất của anh Q được bố mẹ anh Q cho nên chị và anh Q thống nhất nhập tài sản riêng của anh Q là 359m^2 thành tài sản chung của vợ chồng, chị và anh Q đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, đến ngày 17/8/2012 chị và anh Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị H, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 50, diện tích 366,9m^2 tại khu 5 N, phường Đ, thành phố B. Do chị và anh Q mâu thuẫn không thể chung sống được nên vào ngày 22/4/2015 đã được Tòa án giải quyết ly hôn, sau khi ly hôn chị và anh Q thống nhất chuyển nhượng một phần diện tích đất được 470.000.000đ để trả nợ ngân hàng 200.000.000đ. Anh Q đưa cho chị 100.000.000đ, còn anh Q giữ lại 170.000.000đ, hiện nay diện tích đất còn lại là 281m^2. Nay anh Q yêu cầu chia tài sản, chị đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật chia cho mỗi người một phần hai diện tích đất.

Trên đất có 01 ngôi nhà 2 tầng 01 tum xây dựng năm 2012, tổng diện tích là 157m^2, việc xây dựng nhà là do ông D là bố đẻ chị cùng anh Q đứng ra ký hợp đồng thuê thợ xây dựng và thợ đóng cửa, cầu thang hết bao nhiêu tiền chị không nắm được bởi do bố chị và anh Q đứng ra thi công, nguồn kinh phí để xây dựng công trình trên là do bố chị là ông D bỏ ra, ngoài ra chị nghe ông Thư, bà Phàn là bố mẹ anh Q nói cho 20.000.000đ còn có cho hay không chị không biết. Thời điểm làm nhà tháng 9/2012 chị và anh Q còn nợ ngân hàng 200.000.000đ. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét định giá ngôi nhà, đối trừ để trả nợ tiền công thợ, tiền cửa, cầu thang gỗ lim cho ông D phần còn lại sẽ chia một người một phần hai. Chị xin được chia bằng hiện vật là nhà đất để chị lấy chỗ ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Tháng 4/2012, vợ chồng chị H, anh Q có sang gia đình ông và nói muốn làm nhà nhưng không có tiền (vào thời điểm trên chị H, anh Q còn nợ ngân hàng số tiền 200.000.000đ) ông D nói anh Q, chị H nếu không có tiền ông D sẽ hỗ trợ và cho vay, sau anh Q, chị H nhất trí làm nhà. Ông D là người làm hợp đồng mua gỗ lim của anh Nguyễn Tiến V ở Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội và thuê anh Vũ làm khung cửa sổ, cửa chính, cầu thang, ông D đã thanh toán cho anh Vũ số tiền là 108.650.000đ.

Đến ngày 02/9/2012 ông D tiếp tục làm hợp đồng xây dựng với anh Ngô Văn T, sau khi hoàn thành công trình ngôi nhà 2 tầng và 1 tum, ông D thanh

toán cho anh T số tiền là 186.550.000đ. Nay chị H và anh Q chia tài sản sau ly hôn ông yêu cầu anh Q phải trả cho ông số tiền trong tổng số tiền ông đã thanh toán cho anh T, anh V, còn phần của chị H ông không yêu cầu.

Anh Dương Văn G trình bày: Anh là anh trai anh Q, vào tháng 9/2012 anh Q, chị H làm nhà trên thửa đất do bố mẹ anh cho anh Q, anh Q có nhờ anh đóng hộ khuôn cửa chính và cửa lách cửa phòng tầng 2 bằng gỗm lim Nam Phi, anh đã nhận và tiến hành đóng các khuôn cửa như đã thỏa thuận giá 02 khuôn cửa là 20.000.000đ, sau khi đóng xong khuôn cửa chính (khuôn kép) và cửa lách (khuôn đơn) anh đã trực tiếp lắp cho anh Q, sau khi lắp xong anh Q đã thanh toán cho anh, do quan hệ anh em nên khi thỏa thuận không có giấy tờ.

Ngoài ra anh G còn trình bày: Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 50 diện tích là 119m2 tại khu 5 N, phường Đ có các tứ cận sau: Phía tây giáp ngõ đi, phía đông giáp đất nhà anh Q, chị H, phía bắc giáp nhà ông Hoạt, phía Nam giáp tiểu ngõ, rộng 2 mét diện tích là 40m^2, trước kia chủ sử dụng là ông Dương Văn T bà Viêm Thị P là bố mẹ đẻ anh, vào năm 2012 ông T bà P đã tặng cho anh, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh vào tháng 9/2014 anh có xây ngôi nhà cấp 4, năm gian xây tường 20cm lợp tôn lạnh, trần thạch cao, công trình phụ khép kín trị giá 200.000.000đ, ngôi nhà cấp 4 năm gian nằm trên diện tích đất do anh xây dựng trong đó có khoảng 3 gian là nằm trên phần diện tích đất của anh Q, chị H, vì trước khi xây ngôi nhà cấp 4 anh đã thỏa thuận với anh Q, chị H là sau này sẽ đổi đất, với mục đích để thửa đất của anh và vợ chồng anh Q, chị H đều quay mặt sang hướng Tây và đều có mặt tiền quay ra ngõ rộng. Nay vợ chồng anh Q, chị H mâu thuẫn phải chia tài sản chung của anh Q, chị H, nếu ai được phần đất có ngôi nhà cấp 4 do anh làm phải tháo dỡ để trả lại đất cho anh Q, chị H thì phải bồi thường cho anh giá trị theo như biên bản định giá vì anh Q, chị H đồng ý thì anh mới làm, anh có nguyện vọng nếu sau này anh Q hoặc chị H được phần đất phía sau ngôi nhà 2 tầng thì sẽ đổi đất để cho thuận tiện cả đôi bên đều quay mặt ra phía Tây và cùng có ngõ đi rộng.

Anh Vũ, anh Tuyến trình bày: Năm 2012 anh có hợp đồng xây dựng nhà, đóng các loại cửa gỗ cho con gái và con rể ông Nguyễn Ngọc D là anh Dương Văn Q và chị Nguyễn Thị H, ông D là người đứng ra ký hợp đồng và thanh toán tiền, nay giữa các anh và ông D đã thanh toán xong, các anh không có liên quan gì đến việc chia tài sản chung giữa anh Q và chị H.

Ông Nguyễn Vũ K là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh trình bày: Anh Dương Văn Q, chị Nguyễn Thị H đang có đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn là thửa đất số 108, tờ bản đồ số 50, diện tích là 281m^2 tại khu 5 N, phường Đ, thành phố B theo quy định của pháp luật. Việc anh Q đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số BY 212514 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp cho anh Dương Văn Q và chị Nguyễn Thị H ngày 29/6/2015, ông không đồng ý. Bởi khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Q có đơn đề nghị đưa chị Nguyễn Thị H là vợ anh cùng được quyền sử dụng đất (đứng tên trong giấy chứng nhận) đều là tự nguyện không bị ép buộc. Nay anh Q yêu cầu chia tài sản sau ly hôn và đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Q, chị H để trả lại cho anh Q là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 33, 38, 46, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 143, 144, 145, 147, 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166, 227, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự xử:

Xác nhận ngôi nhà 02 tầng diện tích là 182m^2 và tum, 01 lán tôn trên thửa đất số 108, tờ bản đồ số 50, diện 281m^2 đất tại khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của anh Q, chị H.

Giao cho chị Nguyễn Thị H được sở hữu ngôi nhà 2 tầng và tum, 01 lán tôn tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 50 tại khu 5 phường Đ, thành phố B và được sử dụng 100,7m^2. Tổng giá trị tài sản là 1.104.930.000đ, nhưng phải trả cho ông D số tiền 295.200.000đ và trích trả tiền nhà cho anh Dương Văn Q số tiền là 150.000.000đ tiền chênh lệch về tài sản.

Giao cho anh Dương Văn Q được sử dụng ngôi nhà cấp 4 năm gian diện tích 30m^2 và 180,3m^2 đất tại thửa đất số 108 tờ bản đồ số 50 tại khu 5 phường Đ, thành phố B. Tổng giá trị tài sản là 1.141.245.000đ nhưng phải trích trả cho anh Dương Văn G số tiền 32.400.000đ và được nhận của chị H số tiền 150.000.0000đ.

Bác yêu cầu của anh Dương Văn Q về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BY 212514 số vào sổ cấp GCN: CS 06317 ngày 29/6/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh,

Không xem xét giải quyết số tiền 100.000.000đ của anh Dương Văn Q trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 14/7/2017 anh Dương Văn Q kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay anh Dương Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để anh và chị H thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể anh xin được sử dụng phần đất 100,7m^2, trên đất có ngôi nhà hai tầng, anh tự nguyện trích trả ông D 200.000.000đ tiền xây dựng

nhà và đồng ý để chị H sử dụng phần đất còn lại là 180,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 212514 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp cho anh và chị H ngày 29/6/2015, trên phần đất này có nhà cấp bốn, diện tích 30m^2 do anh G xây dựng nhưng chị H phải trích trả anh G giá trị ngôi nhà theo định giá là 32.400.000đ, chị Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc D và anh Dương Văn G đồng ý với đề nghị của anh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy: Anh Dương Văn Q kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 2002. Năm 2015 anh Q và chị H đã được Tòa án giải quyết ly hôn và con chung. Nay anh Q chị H không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên anh Q làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Tài sản tranh chấp bao gồm: Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 50 tại khu 5 N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ anh Q là ông Dương Văn T bà Viêm Thị P chia cho anh Q. Năm 2012, anh Q đã tự nguyện đưa chị H được cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên cho vợ chồng anh Dương Văn Q và chị Nguyễn Thị H, trên đất có ngôi nhà 02 tầng diện tích 80m^2/tầng.

Bản án sơ thẩm đã nhận định tài sản chung vợ chồng anh Q, chị H là thửa đất số 108 tờ bản đồ số 50 tại khu 5, phường Đ, thành phố B diện tích 281m^2 và tài sản trên đất là ngôi nhà hai tầng tổng diện tích là 182m^2, 01 tum, lán tôn và phân chia tài sản chung cho anh Q và chị H.

Ngày 14/7/2017 anh Dương Văn Q kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh Dương Văn Q, chị Nguyễn Thị

H thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Anh Dương Văn Q được sở hữu ngôi nhà 2 tầng và tum, 01 lán tôn tại thửa đất số 108 tờ bản đồ số 50 tại khu 5, phường Đ, thành phố B và được sử dụng 100,7m^2, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty TNHH Tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Lương Ân đo vẽ. Tổng giá trị tài sản là 1.104.930.000đ nhưng anh Q phải có nghĩa vụ trích trả ông Nguyễn Ngọc D số tiền 200.000.000đ; chị H được sử dụng 180,3m^2 đất tại thửa đất số 108 tờ bản đồ số 50 tại khu 5 phường Đ, thành phố B theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty TNHH Tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Lương Ân đo vẽ và ngôi nhà cấp 4 năm gian, diện tích 30m^2 nằm trên diện tích đất này. Tổng giá trị tài sản là 1.141.245.000đ, chị H có nghĩa vụ trích trả cho anh Dương Văn G số tiền 32.400.000đ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc D, anh Dương Văn G cũng đồng ý với thỏa thuận về việc trích trả tiền của anh Q, chị H. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Anh Dương Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn giảm một phần do chị H có hoàn cảnh khó khăn, có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương.

Anh Dương Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 33, 38, 46, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đượng sự, sửa bản án sơ thẩm:

1. Xác nhận ngôi nhà 02 tầng diện tích là 182 m^2 và tum, 01 lán tôn trên thửa đất số 108, tờ bản đồ số 50, diện 281m^2 đất tại khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của anh Q, chị H.

- Giao cho anh Dương Văn Q được sở hữu ngôi nhà 2 tầng và tum, 01 lán tôn tại thửa đất số 108 tờ bản đồ số 50 khu 5 phường Đ, thành phố B và được sử dụng 100,7m^2 theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty TNHH Tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Lương Ân đo vẽ (kèm theo bản án) được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 4, 5, 5', 2', có tứ cận: Phía Bắc giáp đường bê tông dài

4,64m; phía Đông giáp thửa đất số 25, tờ bản đồ số 50 phường Đ, thành phố B dài 20,78m; phía Nam giáp phần đất được giao cho chị H sử dụng dài 5,15m; phía Tây giáp thửa đất số 107 tờ bản đồ số 50 phường Đ, thành phố B dài 20,12m. Tổng giá trị tài sản là 1.104.930.000đ nhưng anh Q phải trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền 200.000.000đ.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H được sở hữu ngôi nhà cấp 4 năm gian diện tích 30m^2 và được sử dụng 180,3m^2 đất tại thửa đất số 108 tờ bản đồ số 50 tại khu 5 phường Đ, thành phố B, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất (kèm theo bản án) được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 2', 5', 6, 7, 8, 9, 10, 11 có tứ cận: phía Bắc giáp phần đất giao cho anh Dương Văn Q và thửa số 107, tờ bản đồ số 50 phường Đ, thành phố B có chiều dài 9,94m; phía Đông giáp các thửa đất số 25, 39, 40, 82 tờ bản đồ số 50 phường Đ, thành phố B dài 19,18m; phía Nam giáp ngõ đi chung, dài 8,68m; phía Tây giáp thửa số 38, tờ bản đồ số 50 phường Đ, thành phố B, dài 19,35m. Tổng giá trị tài sản là 1.141.245.000đ, nhưng chị H phải trích trả cho anh Dương Văn G số tiền 32.400.000đ.

Anh Dương Văn Q và chị Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí:

Anh Dương Văn Q phải chịu 45.147.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Q đã nộp 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2013/01271 ngày 04/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, anh Q còn phải nộp 40.147.000đ.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 23.118.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 38.450.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0000459 ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, hoàn trả chị H số tiền 15.332.000đ.

Hoàn trả ông Nguyễn Ngọc D số tiền 7.300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/01524 ngày 15/8/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Anh Dương Văn Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Q đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0000554 ngày 06/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn Q mỗi người phải chịu 7.000.000đ. Xác nhận chị H đã nộp 9.000.000đ, anh Q đã nộp 5.000.000đ. Anh Q phải trả cho chị H số tiền 2.000.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm

trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính